

Số: 47/2024/QĐST- HNGĐ

CB, ngày 22 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Xuân M** – sinh năm: 2001

Nơi đăng ký TT và chỗ ở hiện nay: **Tổ B, phường N, thành phố C, tỉnh CB.**

- Bị đơn: Ông **Phan Văn C** – sinh năm 1998

Nơi đăng ký TT và chỗ ở hiện nay: **Tổ B, phường N, thành phố C, tỉnh CB.**

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **Đỗ Xuân M** – sinh năm: 2001

Nơi đăng ký TT và chỗ ở hiện nay: **Tổ B, phường N, thành phố C, tỉnh CB.**

- Ông **Phan Văn C** – sinh năm 1998

Nơi đăng ký TT và chỗ ở hiện nay: **Tổ B, phường N, thành phố C, tỉnh CB.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà **Đỗ Xuân M** và ông **Phan Văn C**.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng bà **Đỗ Xuân M** và ông **Phan Văn C** có 01 con chung là **Phan Anh Đ** - sinh ngày 16/02/2021 (Giới tính: Nam).

Các đương sự cùng thống nhất thoả thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau: **Phan Văn C** sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung **Phan Anh Đ** - sinh ngày 16/02/2021 (Giới tính: Nam) cho đến khi con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về việc chia tài sản chung:** Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà **Đỗ Xuân M** và ông **Phan Văn C** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn.

Bà **Đỗ Xuân M** tự nguyện nộp thay số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Phan Văn C**. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà **M** phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà **M** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000953 ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành

án dân sự thành phố CB. Xác nhận bà M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và còn được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND p. NX, TP CB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương